

CƠ HỌC KỸ THUẬT - 02 - TIẾT 789012 - THỨ 4 - RD301

Lớp trưởng:

STT	MSSV	Họ lót	Tên	B1	B2	B3	B4	B5	BT	Thi	Tổng kết
1	12154022	Bùi Ngọc	An	8	8	8	8.5	7	7.9	9	8.5
2	12154034	Trần Tuấn	Anh	8	8	8	4		5.6	4	4.8
3	12154181	Hoàng Lê	Anh	8	8	8	9	8	8.2	5	6.6
4	12154223	Lê Công Tuấn	Anh	5					1		0.5
5	12154030	Lê Quốc	Bảo	8	8	8	8	8	8	7	7.5
6	12154026	Võ Quang	Bình	8	8	8	8	6	7.6	6	6.8
7	12154051	Nguyễn Đình Quốc	Chính	8	8	7.5	6	6	7.1	4	5.6
8	12154039	Trần Tiến	Dũng	8	8	6	6	5	6.6	7	6.8
9	12154059	Nguyễn Hoàng	Duy	8	8	7	4	4	6.2	5.5	5.9
10	12154062	Đỗ Văn	Duy	8	8	6.5	7	5	6.9	5.5	6.2
11	12154063	Bùi Thành	Duy	8	8	7	8	8	7.8	3	5.4
12	12154003	Đặng Văn út	Em	8	8	7	2	7	6.4	5.5	6.0
13	12154085	Lê Đình Trường	Giang	8	8	7			4.6		2.3
14	12154004	Hồ Đức	Hạnh	8	8			7	4.6	7.5	6.1
15	12154112	Nguyễn Công	Hậu	9	9	8	8	8	8.4	8.5	8.5
16	12154082	Nguyễn Thanh	Hòa	8	8	8	7	7	7.6	6	6.8
17	12154222	Lê Quang	Hòa	9	9	9	9	8.5	8.9	9	9.0
18	12154032	Cao Văn	Hoan	8	8		6		4.4		2.2
19	11154007	Đặng Minh	Hoàng	8	8	7	6	6	7	5	6.0
20	12154102	Trần Tuấn	Hoàng	8	8	6	8	6	7.2	7	7.1
21	12154086	Huỳnh Minh	Huy	8	8	7	6	6	7	6.5	6.8
22	12154231	Thái Xuân	Huy	8	8	7	2	6	6.2	6	6.1
23	12154143	Lưu Tấn	Kiệt	8	8	6	6	5	6.6	4	5.3
24	12154015	Nguyễn Thiên	Khải	9	9	8	7	7	8	7	7.5
25	12154066	Trần Công	Khang	8	8	7	2	6	6.2	7	6.6
26	12154120	Bùi Ngọc	Khoa	8	8	6	6	5	6.6		3.3
27	12154232	Nguyễn Viết	Lâm			6	6	6	3.6	6	4.8
28	12154249	Phan Thành	Lâm	8	8	6	6	6	6.8	6	6.4
29	12154237	Nguyễn Chánh	Lân	8	8	7	6	6	7	3	5.0
30	12154142	Nguyễn Doãn	Lộc	9	9	8	8	8	8.4	8.5	8.5
31	12154259	Trần Kim	Lộc	8	8	8	8		6.4	8	7.2
32	12154166	Đình Văn	Lợi	8	8	7	7		6	7	6.5
33	12154239	Nguyễn Văn	Luận	8	8	7	7		6	4	5.0

STT	MSSV	Họ lót	Tên	B1	B2	B3	B4	B5	BT	Thi	Tổng kết
34	12154240	Nguyễn Thanh	Lương	9	9	9	9	8.5	8.9	9	9.0
35	12154113	Lê Đại	Nghĩa	9	9	8	7	7	8	7	7.5
36	12154138	Mai Thành	Nhân	9	9	8	8	8	8.4	8.5	8.5
37	12154147	Phạm Huỳnh Đạt	Nhân	8	8	7	6	5	6.8	4	5.4
38	13118227	Phan Văn	Nhựt	8	8	6	6		5.6	6	5.8
39	12115150	Phạm Công	Phú	8	8	7	6	4	6.6	4	5.3
40	12154020	Huỳnh Thanh	Phùng	8	8	8	8	8	8	7	7.5
41	13118240	Huỳnh Hữu	Phước	8	5	7			4	2.5	3.3
42	12154090	Trần Hữu	Phượng						0		0.0
43	12154164	Trần Xuân	Quang						0		0.0
44	12154247	Nguyễn Chánh	Quang	9	9	8	7	7	8	7	7.5
45	12154235	Nguyễn Đình	Quý	8	8	7	6	5	6.8	3	4.9
46	12154008	Nguyễn Chức	Quyền	8	8	8	7	7	7.6	6	6.8
47	12154206	Phạm Hùng	Quyền	8	8	8	7	7	7.6	5	6.3
48	12154089	Nguyễn Văn	Sang	9	9	8	7	7	8	7	7.5
49	12154172	Trần Văn	Sĩ	8	8	7	7	7	7.4	4	5.7
50	12118115	Nguyễn Ngọc	Tài	8					1.6		0.8
51	12154132	Nguyễn Minh	Tân	9	9	8	7	7	8	7	7.5
52	12154133	Nguyễn Minh	Tân	8	8	8	7	7	7.6	7.5	7.6
53	12154193	Võ Mạnh	Tính	8	8	8	7	6	7.4	6	6.7
54	12154197	Trần Ngọc	Toàn	5	5	5			3		1.5
55	12154198	Nguyễn Văn	Toàn	8		7	2		3.4	6	4.7
56	12154199	Nguyễn Thanh	Tòng	8	8	8	7		6.2	4	5.1
57	12154065	Đinh Lê Hoàng	Tuấn	8	8	8	7	7	7.6	6	6.8
58	12154154	Kim Thanh	Tuấn	8	8	8	v		4.8	7	5.9
59	13118333	Nguyễn Anh	Tuấn	8	8	8	v		4.8	4	4.4
60	11154053	Huỳnh Thanh	Tùng	8	8	8	7		6.2	5	5.6
61	12154179	Trần Trung	Thành	9	9	8	7	7	8	7	7.5
62	12154021	Trần Văn	Thăng	9	9	8	7	7	8	7	7.5
63	12154185	Nguyễn Văn	Thiện	8	8	8	7	7	7.6	4	5.8
64	12154187	Nguyễn Quốc	Thịnh	8	8	8	7	7	7.6	6	6.8
65	12154043	Dương Nhật	Trường	8	8	8	6	6	7.2		3.6
66	12154124	Trương Thanh	Trường	8	8	8	6	5	7	4	5.5
67	13118359	Vũ Gia	Vỹ	9	9	8	8	8	8.4	7.5	8.0
68	12154013	Lý Kim	Xái	8	8	8	7	7	7.6	4	5.8